

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-ST

Ngày: 29-6-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Phúc.

Bà Đặng Thị Nguyên Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa: Ông Lê Kim Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 29/6/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 557/2021/TLST-DS, ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2022/QĐST-DS ngày 24/5/2022 và Thông báo số: 15/TB-TA ngày 10/6/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Trần Ngọc O**, sinh năm: 1954.

Địa chỉ: **ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: **Ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

Ông Oanh có mặt, bà Thà vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Trần Ngọc O trình bày:

Vào các ngày 29/12/2017, 30/9/2018, 09/12/2018, 14/12/2018 bà T có vay tiền của ông nhiều lần với số tiền tổng cộng là 50.000.000đ. Đến ngày 07/9/2020, khi hòa giải tại ấp G thì có cộng lại số tiền nợ của bà T tất cả là 50.000.000đ, khi đó thỏa thuận sau hai ngày hòa giải bà T sẽ trả cho ông O 10.000.000đ, số tiền còn lại mỗi tháng bà T sẽ trả hai triệu đồng vào ngày 15

duyệt. Tuy nhiên sau đó bà T không thực hiện đúng thỏa thuận nên ông O khởi kiện yêu cầu bà T trả cho ông số tiền vay còn nợ là 50.000.000đ, ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông O trình bày sau buổi hòa giải ở địa phương bà T trả cho ông số tiền 10.000.000đ, sau đó bà T trả thêm hai lần, mỗi lần 2.000.000đ; tổng cộng là 14.000.000đ. Hiện nay ông O chỉ yêu cầu bà T trả cho ông số tiền vay còn nợ là 36.000.000đ.

- Bị đơn bà Nguyễn Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông O.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì về phần tố tụng. Riêng bị đơn bà Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là thực hiện không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Ngọc T có trách nhiệm trả cho ông Trần Ngọc O số tiền 36.000.000đ.

Trong quá trình thu thập chứng cứ: Tòa án đã lấy lời khai đương sự, người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông O khởi kiện yêu cầu bà T phải có trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật là: “Tranh chấp hợp đồng vay” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà T cư trú tại địa bàn huyện T nên theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Tam Nông có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Bị đơn bà Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên xét xử vắng mặt bà T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Ông O khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền vay còn nợ là 36.000.000đ. Để có cơ sở giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phân tích như sau:

[4.1] Theo các biên nhận vay tiền do ông O cung cấp thể hiện bà T có vay tiền của ông O. Mặt khác, tại biên bản hòa giải tại Tổ hòa giải Ấp G thể hiện bà T còn nợ ông O số tiền 50.000.000đ và cam kết hai ngày sau khi hòa giải sẽ trả số tiền 10.000.000đ, còn lại 40.000.000đ mỗi tháng sẽ trả cho ông O số tiền 2.000.000đ vào ngày 15 dương lịch. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Văn A là Hòa giải viên tham gia hòa giải ngày 07/9/2020 cũng xác định thời điểm hòa giải bà T thừa nhận số tiền nợ ông O là 50.000.000đ, sau đó bà T không trả nên ông O mới tranh chấp tại Tòa án. Như vậy, có đủ căn cứ xác định tại thời điểm hòa giải ngày 07/9/2020 bà T còn nợ ông O số tiền 50.000.000đ.

[4.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T, đồng thời yêu cầu bà T tự khai và cung cấp các chứng cứ có liên quan đến vụ án, tuy nhiên bà T không có ý kiến trình bày, không cung cấp chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án. Tại phiên tòa, ông O cho rằng hiện nay bà T đã trả được 14.000.000đ, chỉ còn nợ số tiền 36.000.000đ là có lợi cho bà T nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông O, buộc bà T phải có trách nhiệm trả cho ông O số tiền vay còn nợ 36.000.000đ là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Từ những nhận định trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của ông O được chấp nhận nên bà T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc O đối với bà Nguyễn Ngọc T.

2/ Buộc bà Nguyễn Ngọc T có trách nhiệm trả cho ông Trần Ngọc O số tiền vay còn nợ là 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc T có trách nhiệm nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Phòng GĐKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Khang